TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 396/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 13/5/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

/- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ron
  Ông Nguyễn Tấn Bình
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Trâm

Thư ký Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***:

Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên

***

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 1073/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/03/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 197X; Địa chỉ: Tổ 4X, khu vực C, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B (có mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh H, sinh năm: 197X; Địa chỉ: Tổ 4X, khu vực C, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2024 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Huỳnh H đã tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường Nhơn Bình trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bà và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình khác biệt. Ông H không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến năm nay không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn với ông H để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung tên Huỳnh C, sinh năm 200X đã trưởng thành và Huỳnh D sinh ngày 3X/05/201X hiện đang ở với bà, sức khỏe các con bình thường. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh H: không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà T, ông H kết hôn ngày 20/11/2003 tại UBND phường Nhơn Bình, T phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông H cư trú tại Tổ 48, khu vực 9, phường Đống Đa, T phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ đối với bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Theo bà T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bà và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình khác biệt, ông H không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến năm nay không còn quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn với ông H để cả hai ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của bà T thì giữa bà và ông H xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không còn, cả hai đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H không đến Tòa làm việc, chứng tỏ ông H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T xin được ly hôn ông H là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có 02 người con chung tên Huỳnh C, sinh năm 2003 đã trưởng T. Riêng cháu Huỳnh D sinh ngày 31/05/2011 hiện đang sinh sống cùng bà T. Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D (cháu C đã trưởng T nên không yêu cầu Tòa giải quyết)

Xét thấy: Từ khi bà T và ông H sống ly thân đến nay cháu Huỳnh D đã quen với nề nếp sinh hoạt và sự chăm sóc của bà T. Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bà T phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử giao cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Huỳnh H

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh D sinh ngày 31/05/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu Tòa giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3.Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000872 ngày 22/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Quy Nhơn. Bà T đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Bà T, ông H vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Trần Thị Minh Hòa